

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: 98/2019/HS-ST

Ngày 26/11/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Tòng.

2. Ông Hoàng Văn Tấn .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Kim, Kiểm sát viên VKSND huyện Chiêm Hóa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2019/TLST - HS ngày 08/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/QĐXXST-HS ngày 12/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ma Văn N** (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày 11/6/1990 tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn KP2, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề Nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông: Ma Văn V, sinh năm 1970 và bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Seo Thị H, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2008; Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Năm 2013 bị UBND xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.750.000 đồng về hành vi sử dụng hung khí đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; *(Có mặt tại phiên tòa).*

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Vũ Thanh Thủy - Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang; *(Có mặt tại phiên tòa).*

* Người bị hại:

1. Ma Văn V, sinh năm 1970; trú tại: Thôn KP2, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; *(Có mặt tại phiên tòa)*.

2. Hoàng Thị M, sinh năm 1967; trú tại: Thôn KP2, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; *(Có mặt tại phiên tòa)*.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Mạc Văn L, sinh năm 1977; trú tại: Thôn L, xã BH, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; *(Có mặt tại phiên tòa)*.

2. Hoàng Văn T, sinh năm 1965; trú tại: Thôn TT3, xã LH, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

3. Hoàng Văn T, sinh năm 1983; trú tại: Thôn TT3, xã LH, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

4. Mai Xuân Th, sinh năm 1975; trú tại: Thôn NL, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/9/2019 Ma Văn N hỏi mẹ đẻ là bà Hoàng Thị M mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave S màu đỏ xám biển kiểm soát 22F1-9483 của ông Ma Văn V là bố đẻ của N để đi sang nhà bố vợ là ông Seo Văn L ở thôn KN, xã TH, huyện Chiêm Hóa và được bà M đồng ý. Khi N ra đến nơi để xe thì nảy sinh ý định đem xe mô tô đi cầm cố nên quay vào nhà lục tìm lấy đăng ký xe mô tô của ông V để trong ví cất trong tủ gỗ của gia đình, sau đó N điều khiển xe mô tô đến cầm cố xe cùng đăng ký xe với ông Mạc Văn L được 2.000.000^d *(hai triệu đồng)*, số tiền này N đã chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 14 giờ ngày 21/9/2019 N đến gặp anh Mai Xuân Th vay số tiền 2.700.000^d *(hai triệu bảy trăm nghìn đồng)* để chuộc xe, sau khi vay được tiền N đến nhà ông L để chuộc lại xe hết 2.200.000^d *(hai triệu hai trăm nghìn đồng)*, sau đó N điều khiển xe mô tô đến nhà ông Hoàng Văn T tiếp tục cầm cố xe mô tô cùng giấy tờ xe lấy số tiền 4.000.000^d *(bốn triệu đồng)*, N đã trả nợ cho anh Th số tiền 2.700.000^d *(hai triệu bảy trăm nghìn đồng)*, còn lại N chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 17 giờ cùng ngày N quay lại nhà ông T với mục đích bán xe mô tô đã cầm cố cho ông T nhưng ông T không mua, ông T dùng điện thoại của mình gọi điện cho ông L để N trao đổi và thống nhất bán xe cho ông L với giá 5.000.000^d *(năm triệu đồng)* do ông L không ở nhà nên N bảo ông T đưa thêm cho N 500.000^d *(năm trăm nghìn đồng)* và bảo ông T mang xe đến giao cho ông L hộ N, ông T đồng ý và đưa cho N 500.000^d *(năm trăm nghìn đồng)*, khi N ra về đến cổng thì gặp con trai ông T là anh Hoàng Văn T, N có hỏi vay anh T số

tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), sau đó N đi lang thang không có địa chỉ cố định, toàn bộ số tiền bán xe mô tô N đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 23/9/2019 ông T mang xe mô tô đến nhà ông L và lấy 5.000.000^d (năm triệu đồng) như N đã thỏa thuận từ trước, sau đó ông T trả cho anh T số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) mà N đã vay của anh T trước đó.

Ngày 02/10/2019 ông V phát hiện sự việc nên đã đến công an huyện Chiêm Hóa trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chiêm Hóa, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave S màu sơn đỏ xám biển kiểm soát 22F1-9483, xe cũ đã qua sử dụng mua năm 2011, có giá trị tại thời điểm tháng 9/2019 là 5.000.000^d (năm triệu đồng chẵn).

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave S màu sơn đỏ xám biển kiểm soát 22F1-9483 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004730 mang tên Ma Văn V. Ngày 25/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Ma Văn V, Hoàng Thị M không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mạc Văn L yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền mua xe mô tô là 5.000.000^d.

Tại phiên tòa bị cáo Ma Văn N tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; Bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến bổ sung.

Bản Cáo trạng số 99/CT-VKSCH ngày 08/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã truy tố Ma Văn N về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã T hiện. Do đó, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Ma Văn N về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ma Văn N từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/10/2019).

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, không có nghề N nên không áp dụng đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mạc Văn L, bị cáo phải bồi hoàn cho ông Mạc Văn L số tiền còn lại là 4.000.000^d (bốn triệu đồng).

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

* Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn N, bà Vũ Thanh Thủy đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thủ tục thu giữ, xử lý vật chứng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ma Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung kết luận điều tra và bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 18/9/2019 tại thôn KP2, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, Ma Văn N đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave S màu sơn đỏ xám biển kiểm soát 22F1-9483 có giá trị là 5.000.000^d (năm triệu đồng chẵn).

Hành vi của bị cáo Ma Văn N đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích vụ lợi. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu rồi dùng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 bị UBND xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.750.000^d về hành vi sử dụng hung khí đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình đến nay tuy bị cáo đã chấp hành xong nhưng qua đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Sau khi bị cáo phạm tội bị cáo không có mặt tại địa phương nên gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; Sau khi phạm tội có lệnh truy nã bị cáo đã ra đầu thú; Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Trong vụ án này tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu nên không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị mà cần xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave S màu sơn đỏ xám biển kiểm soát 22F1-9483 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004730 mang tên Ma Văn V. Ngày 25/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Ma Văn V và bà Hoàng Thị M không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mạc Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn cho ông số tiền 5.000.000^d, bị cáo đã trả 1.000.000^d, còn phải trả tiếp 4.000.000^d, bị cáo nhất trí bồi hoàn cho ông L số tiền trên. Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và ông L, bị cáo phải bồi hoàn tiếp cho ông L số tiền còn lại là 4.000.000^d (bốn triệu đồng).

Trong vụ án này đối với Mạc Văn L và Hoàng Văn T quá trình cầm cố không biết nguồn gốc tài sản do bị cáo N phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo của xã nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Ma Văn N (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Ma Văn N 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/10/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và ông Mạc Văn L, bị cáo phải bồi hoàn cho ông L số tiền còn lại là 4.000.000^d (bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14:

Bị cáo Ma Văn N phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày

26/11/2019). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện CH;
- Cơ quanĐT CA huyện CH;
- Cơ quan THAHS CA huyện CH;
- Chi cục THADS huyện CH;
- Đội HSNV, CA huyện CH;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Bị cáo;NNTGTT;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Hạnh Quỳnh